

Số: /GPMT-UBND Hòa Bình, ngày tháng 02 năm 2025

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÒA BÌNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét đề nghị của Trung tâm Y tế huyện Lạc Thủy tại văn bản số 02/CV-MT ngày 03 tháng 01 năm 2025 về việc đề nghị cấp giấy phép môi trường của Cơ sở “Trung tâm Y tế huyện Lạc Thủy” tại thị trấn Chi Nê, huyện Lạc Thủy, tỉnh Hoà Bình và hồ sơ kèm theo.

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 06/TTr-STNMT ngày 08 tháng 01 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Cấp phép cho Trung tâm Y tế huyện Lạc Thủy; địa chỉ tại thị trấn Chi Nê, huyện Lạc Thủy, Tỉnh Hòa Bình, được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của Cơ sở “Trung tâm Y tế huyện Lạc Thủy” tại thị trấn Chi Nê, huyện Lạc Thủy, Tỉnh Hòa Bình với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của Cơ sở:

- 1.1. Tên cơ sở: Trung tâm Y tế huyện Lạc Thủy.
- 1.2. Địa điểm hoạt động: thị trấn Chi Nê, huyện Lạc Thủy, Tỉnh Hòa Bình.
- 1.3. Quyết định thành lập Trung tâm Y tế huyện Lạc Thủy số 2924/QĐ-UBND ngày 16/11/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình.
- 1.4. Mã số doanh nghiệp: 5400321039.
- 1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Khám, chữa bệnh.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án đầu tư.

- Phạm vi: Tổng diện tích dự án 9.012,6 m².

- Quy mô: Dự án nhóm B (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công), Dự án đầu tư nhóm II (theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ).

- Công suất: 200 giường bệnh.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2: Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Trung tâm Y tế huyện Lạc Thủy:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Trung tâm Y tế huyện Lạc Thủy có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả chất thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp Giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3: Thời hạn của Giấy phép: 10 (mười) năm, kể từ ngày ký giấy phép.

Điều 4: Giao Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì phối hợp với Ủy ban nhân dân huyện Lạc Thủy và các cơ quan, đơn vị có liên quan, tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với Cơ sở “Trung tâm Y tế huyện Lạc Thủy” tại thị trấn Chi Nê, huyện Lạc Thủy, Tỉnh Hòa Bình được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các Sở: TN&MT, XD, KH&CN, Y tế;
- UBND huyện Lạc Thủy;
- UBND thị trấn Chi Nê, huyện Lạc Thủy;
- Trung tâm Y tế huyện Lạc Thủy
(*Trung tâm phục vụ HCC tỉnh, trả kết quả*);
- Trung tâm Tin học và Công báo (đăng tải);
- Chánh, Phó Chánh VPUBND tỉnh;
- Lưu: VT, KTN (Hg).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Quách Tất Liêm

Phụ lục 1
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ
YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM,
XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: /GPMT-UBND ngày /02/2025
của Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

1. Nguồn phát sinh nước thải

- Nguồn số 01: Nước thải từ các hoạt động sinh hoạt của bệnh nhân, người nhà và đội ngũ cán bộ, y bác sĩ của Trung tâm.
- Nguồn số 02: Nước thải y tế phát sinh từ các hoạt động khám chữa bệnh tại Trung tâm.
- Nguồn số 03: Từ quá trình rửa thiết bị khử khuẩn kết hợp nghiền cắt.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải

2.1. Dòng nước thải

Gồm 01 dòng nước thải sau xử lý của hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất xử lý 100 m³/ngày đêm của Trung tâm ra nguồn tiếp nhận.

2.2. Nguồn tiếp nhận nước thải

Ao đất chứa nước của Cơ sở, cách Cơ sở 150 m về phía Tây Nam thuộc Tiểu Khu 3, thị trấn Chi Nê, huyện Lạc Thủy, tỉnh Hoà Bình.

2.3. Vị trí xả nước thải

- Vị trí xả thải: Tại điểm đầu ống xả nước thải sau hệ thống xử lý nước thải vào ao đất chứa nước của Trung tâm thuộc Tiểu Khu 3, thị trấn Chi Nê, huyện Lạc Thủy, tỉnh Hoà Bình.

- Tọa độ vị trí xả nước thải (Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 106°00', múi chiều 3°): X: 0476561 Y: 2266315.

2.4. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 94,89 m³/ngày.đêm

2.4.1. Phương thức xả nước thải: Tự chảy

2.4.2. Chế độ xả nước thải: Liên tục.

2.4.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường (cột B - QCVN 28:2010/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải y tế với hệ số K=1,2) đối với nước thải, cụ thể:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	QCVN 28:2010/BTNMT, cột B, K=1,2	Tần suất quan trắc định kỳ
1	pH	-	6,5 - 8,5	Trung tâm không thuộc đối tượng phải quan trắc nước thải định kỳ (theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP). Cơ sở đề xuất quan trắc định kỳ với tần suất 02 lần/năm đối với 01 mẫu nước thải sau hệ thống xử lý tập trung công suất 100 m ³ /ngày.đêm
2	BOD ₅	mg/l	60	
3	COD	mg/l	120	
4	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	120	
5	Sulfua (tính theo H ₂ S)	mg/l	4,8	
6	Amoni (tính theo N)	mg/l	12	
7	Nitrat (tính theo N)	mg/l	60	
8	Phosphat (Tính theo P)	mg/l	12	
9	Dầu mỡ động thực vật,	mg/l	24	
10	Tổng hoạt độ phóng xạ α ,	Bq/l	0,12	
11	Tổng hoạt độ phóng xạ β	Bq/l	1,2	
12	Salmonella,	Vi khuẩn/100ml	KPH	
13	Shigella	Vi khuẩn/100ml	KPH	
14	Vibrio Cholerae.	Vi khuẩn/100ml	KPH	
15	Tổng Coliform	MPN/100ml	5.000	

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải

- Nước thải từ bồn rửa, nước sàn nhà vệ sinh: Nước thải → uPVC D60÷110mm → ống thoát chính (uPVC D110 mm) → hố ga thu nước thải bên ngoài các khối nhà → uPVC D300mm và uPVC D250mm → hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 100 m³/ngày.đêm.

- Nước thải từ bồn cầu, ấu tiêu: Nước thải → ống uPVC D60÷110mm → bể tự hoại → uPVC D110mm → hố ga thu nước thải bên ngoài các khối nhà → uPVC D300mm và uPVC D250mm → hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 100 m³/ngày đêm.

- Nước thải khám, chữa bệnh: Nước thải → ống uPVC D60 → hố ga thu nước thải bên ngoài các khối nhà → uPVC D300mm và uPVC D250mm → hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 100 m³/ngày đêm.

- Nước thải từ quá trình rửa thiết bị khử khuẩn kết hợp nghiền cắt: Nước thải → ống uPVC D60 → hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 100 m³/ngày đêm.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

1.2.1. Bể tự hoại

Gồm 05 bể, xây ngầm dưới các khối nhà. Các bể tự hoại có thể tích hữu dụng bằng nhau $V = 4,5 \text{ m}^3/1 \text{ bể}$, gồm 03 ngăn. Kết cấu xây dựng: Đáy và nắp bể đổ bê tông cốt thép Mác 250#, thành bể xây bằng gạch chỉ đặc, chống thấm xi măng (thành ngoài dày 220 mm, thành ngăn dày 110mm).

1.2.2. Công trình xử lý nước thải tập trung

- Quy trình xử lý:

Nước thải → Bể thu gom → Bể điều hoà → Cụm xử lý AO-Bồn composite-SL2 (Khoang xử lý thiếu khí → Khoang xử lý hiếu khí → Khoang trung gian → Khoang lắng → Khoang khử trùng) → Bể chứa nước sạch → Hố ga thoát nước thải → uPVC D315 → Ao chứa nước của Trung tâm.

Nước thải sau xử lý đạt cột B, QCVN 28:2010/BTNMT – quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải y tế với hệ số K = 1,2.

- Công suất hệ thống xử lý: 100 m³/ngày đêm.

- Hóa chất sử dụng: Hóa chất khử trùng Clorua vôi (CaOCl_2) 70%; Men vi sinh Emic; Chất trợ lắng PAC (hoặc các hóa chất khác tương đương bảo đảm chất lượng nước thải sau xử lý đạt yêu cầu và không phát sinh thêm chất ô nhiễm quy định tại Mục 2.4.3 Phần A của Phụ lục này).

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục: Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

1.4. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố

a) Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố

- Tuyên truyền sử dụng tiết kiệm nước tại Trung tâm để tránh hệ thống xử lý nước thải bị quá tải;

- Bố trí nhân viên kỹ thuật vận hành hệ thống xử lý nước thải tập trung tuân thủ theo đúng quy trình kỹ thuật vận hành hệ thống xử lý nước thải đã được hướng dẫn của đơn vị thiết kế hệ thống xử lý nước thải.

- Kiểm tra và điều chỉnh chế độ làm việc của từng thiết bị trong quá trình hệ thống hoạt động, tránh hệ thống hoạt động quá tải. Thường xuyên kiểm tra, theo dõi các thiết bị để phát hiện sớm các thiết bị hỏng nhằm khắc phục và sửa chữa kịp thời.

- Thực hiện việc bảo dưỡng định kỳ hệ thống theo đúng quy trình vận hành. Dự phòng các thiết bị thay thế của hệ thống xử lý nước thải để thay thế, sửa chữa kịp thời khi có sự cố xảy ra;

b) Quy trình ứng phó sự cố

Khi có sự cố xảy ra, phương án xử lý sự cố như sau: Khi nhân viên vận hành hệ thống xử lý nước thải tập trung phát hiện sự cố nước thải sau xử lý không đạt tiêu chuẩn cho phép, sẽ tiến hành khóa van xả nước thải sau xử lý, thông báo sự việc cho quản lý biết, sửa chữa và khắc phục sự cố trong thời gian ngắn nhất để hệ thống xử lý nước thải tập trung hoạt động trở lại; quay vòng (bơm) nước từ bể khử trùng về bể điều hòa để xử lý lại. Sau khi đã xử lý đạt yêu cầu, tiến hành mở van xả nước thải. Nếu thời gian sửa chữa lâu Trung tâm sẽ liên hệ với đơn vị có chức năng tới thu gom vận chuyển đi xử lý.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

2.1. Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm: Không quá 06 tháng sau khi được cấp Giấy phép môi trường.

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm: Hệ thống xử lý nước thải công suất 100 m³/ngày đêm.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu:

- Thực hiện lấy mẫu trong giai đoạn vận hành ổn định: Nước thải đầu vào tại bể điều hòa và nước thải sau hệ thống XLNT tại điểm xả vào hệ thống thoát nước mưa của dự án.

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm

Trong quá trình vận hành thử nghiệm, chủ dự án phải giám sát các chất ô nhiễm có trong nước thải và đánh giá hiệu quả xử lý của hệ thống xử lý nước thải tập trung theo giá trị giới hạn cho phép xả ra ngoài môi trường theo quy định tại mục 2.4.3 của Phần A phụ lục này.

2.3. Tần suất lấy mẫu đối với nước thải: Thực hiện theo quy định tại Khoản 5, Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; cụ thể:

TT	Thời gian quan trắc	Chỉ tiêu, vị trí quan trắc
Trong giai đoạn vận hành ổn định (Quan trắc 03 ngày liên tiếp)		

1	Lần 1	<ul style="list-style-type: none"> - Vị trí quan trắc: + Nước thải đầu vào của hệ thống xử lý nước thải công suất 100 m³/ngày đêm tại bể thu gom; + Nước thải sau hệ thống xử lý nước thải công suất 100m³/ngày đêm tại điểm xả thải vào ao chứa nước của Trung tâm. - Thông số quan trắc: pH, BOD₅, COD, Tổng chất rắn lơ lửng (TSS), Sunfua (tính theo H₂S), Amoni (tính theo N), Nitrat (tính theo N), Phosphat (Tính theo P), Dầu mỡ động thực vật, Tổng hoạt độ phóng xạ α, Tổng hoạt độ phóng xạ β, Salmonella, Shigella, Vibrio Cholerae, Tổng Coliform.
2	Lần 2	<ul style="list-style-type: none"> - Vị trí quan trắc: Nước thải sau hệ thống xử lý nước thải công suất 100m³/ngày đêm tại điểm xả vào ao chứa nước của Trung tâm. - Thông số quan trắc: pH, BOD₅, COD, Tổng chất rắn lơ lửng (TSS), Sunfua (tính theo H₂S), Amoni (tính theo N), Nitrat (tính theo N), Phosphat (Tính theo P), Dầu mỡ động thực vật, Tổng hoạt độ phóng xạ α, Tổng hoạt độ phóng xạ β, Salmonella, Shigella, Vibrio Cholerae, Tổng Coliform.
3	Lần 3	<ul style="list-style-type: none"> - Thông số quan trắc: pH, BOD₅, COD, Tổng chất rắn lơ lửng (TSS), Sunfua (tính theo H₂S), Amoni (tính theo N), Nitrat (tính theo N), Phosphat (Tính theo P), Dầu mỡ động thực vật, Tổng hoạt độ phóng xạ α, Tổng hoạt độ phóng xạ β, Salmonella, Shigella, Vibrio Cholerae, Tổng Coliform.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ các hoạt động của cơ sở đảm bảo đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Vận hành mạng lưới thoát nước mưa đảm bảo yêu cầu về tiêu chí thoát nước và vệ sinh môi trường trong quá trình vận hành hoạt động của cơ sở.

3.4. Đảm bảo bố trí đủ kinh phí, nhân lực, thiết bị, hóa chất,... vận hành tốt nhất các công trình thu gom, xử lý và xả nước thải của nhà máy.

3.5. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải. Trong quá trình vận hành thử nghiệm, Công ty có trách nhiệm thực hiện đầy đủ các nội dung quy định tại khoản 5, 6, 7 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

3.6. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu quy định tại Phần A Phụ lục này và phải dừng ngay việc xả nước thải để thực hiện các biện pháp khắc phục./.

Phụ lục 2

BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: /GPMT-UBND ngày /02/2025
của Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn

- Nguồn số 01: Khu vực hệ thống xử lý nước thải tập trung.
- Nguồn số 02: Hoạt động của máy móc tại khu xử lý chất thải rắn.
- Nguồn số 03: Tại khu vực đặt máy phát điện dự phòng.

2. Vị trí phát sinh phát sinh tiếng ồn

- Nguồn số 01: Tọa độ X 2266307; Y 04.76884.
- Nguồn số 02: Tọa độ X 2266309; Y 04.76051.
- Nguồn số 03: Tọa độ X 2266311; Y 0476988.

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu theo quy định tại QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn

TT	Thời gian trong ngày và mức ồn cho phép (dBA)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	70	55	-	Khu vực thông thường
2	55	45	-	Khu vực đặc biệt

3.2. Độ rung

TT	Thời gian trong ngày và mức ồn cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	70	60	-	Khu vực thông thường
	60	55		Khu vực đặc biệt

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn

- Bố trí bãi xe ở khu vực riêng biệt, gần trục đường giao thông chính, cách xa khu vực khám chữa bệnh, khu nội trú. Không cho phương tiện chạy trong khuôn viên bệnh viện.

- Lối ra vào xe được phân luồng nhằm tránh tình trạng ùn tắc, hạn chế bóp còi. Tắt máy và dắt bộ phương tiện cá nhân lưu thông trong khuôn viên cơ sở.

- Trồng cây xanh xung quanh để tạo môi trường cách âm, cải thiện và điều hòa các yếu tố vi khí hậu,...

- Giảm thiểu tiếng ồn do hoạt động máy phát điện, tại hệ thống xử lý nước thải (XLNT): Máy phát điện được đặt trong nhà kín, cách xa khu vực làm việc và dãy phòng nội trú của bệnh nhân.

- Bảo dưỡng định kỳ máy móc thiết bị của hệ thống XLNT, cũng như máy phát điện dự phòng.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

- Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại phần A phụ lục này.

- Nâng cấp, thay thế các máy móc, thiết bị phụ trợ (khi xuống cấp) có phát sinh tiếng ồn, độ rung lớn bằng các máy móc, thiết bị hiện đại để giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đến môi trường xung quanh, đảm bảo đáp ứng các quy chuẩn kỹ thuật môi trường quy định./.

Phụ lục 3
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số: /GPMT-UBND ngày /02/2025
của Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên

STT	Loại chất thải	Trạng thái	Khối lượng (Kg/năm)	Mã CTNH
1	Than hoạt tính đã qua sử dụng từ quá trình xử lý khí thải	Rắn	50	12 01 04
2	Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải tập trung	Rắn	2.800	12 06 05
3	Chất thải lây nhiễm (bao gồm cả chất thải sắc nhọn)	Rắn	7.304,38	13 01 01
4	Hóa chất thải bao gồm hoặc có các thành phần nguy hại	Lỏng	4	13 01 02
5	Các bình chứa áp suất chưa bảo đảm rỗng hoàn toàn	Rắn,	12	13 03 01
6	Các thiết bị y tế bị vỡ, hỏng, đã qua sử dụng có chứa thủy ngân (như nhiệt kế)	Rắn	8	13 03 02
7	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	Rắn	10	16 01 06
8	Giẻ lau dính dầu	Rắn	7	18 02 01
9	Pin ắc quy thải khác	Rắn	10	19 06 05
	Tổng		10.205,38	

1.2. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn thông thường

STT	Tên chất thải thông thường	Số lượng
1	Chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn thông thường	110 kg/ngày
2	Bùn thải, cặn phát sinh từ hệ thống bể tự hoại	4,6 m ³ /18 tháng
3	Bùn thải từ hệ thống thoát nước mưa	5 m ³ /12 tháng

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại

2.1. Thiết bị xử lý, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại

2.1.1. Thiết bị lưu chứa: Thùng chứa riêng đối với từng loại chất thải, có nắp đậy được để tại kho chứa chất thải nguy hại và khu vực phát sinh chất thải nguy hại để thu gom. Các thiết bị lưu chứa được dán nhãn, biển cảnh báo, mã số chất thải nguy hại.

2.1.2. Kho lưu chứa

- Khu vực lưu giữ: kho chứa chất thải y tế nguy hại có diện tích 13,2 m² (chia thành các ô đặt các thùng chứa thải riêng biệt, có nắp, dán nhãn tên và mã chất thải nguy hại), có 01 tủ bảo ôn loại 500l để lưu trữ chất thải giải phẫu. Kho được xây dựng bằng BTCT mái bằng và cửa kiên cố, nền chống thấm, có thiết bị phòng cháy chữa cháy, có biển báo dấu hiệu cảnh báo, phòng ngừa theo quy định.

2.1.3. Biện pháp xử lý

a. Đối với chất thải nguy hại lây nhiễm không sắc nhọn

Chất thải này phát sinh được xử lý tại chỗ.

- Quy trình xử lý:

Chất thải nguy hại lây nhiễm không sắc nhọn → Thiết bị xử lý khử khuẩn (Cắt nhỏ chất thải → Khử khuẩn ở nhiệt độ khử khuẩn: 135 -140°C, áp suất: 3-5 bar) → Chất thải thông thường → Túi chứa rác → Chuyển giao xử lý cùng chất thải thông thường khác của Cơ sở.

- Công suất xử lý: 34 kg/giờ.

- Thiết bị xử lý.

+ Nhà đặt thiết bị xử lý khử khuẩn kết hợp nghiền cắt: Diện tích 36,96 m² (Dài 7,0 m x rộng 5,28 m); Kết cấu: Tường bao quanh và ngăn các gian xây bằng gạch chỉ đặc D220; Móng đổ bê tông, nền đổ bê tông đá 4 x 6 dày 100, mặt nền lát gạch men 300 x 300 màu nhạt, tạo độ dốc i=0,05%; Tường ốp gạch men 200 x 300 cao 2,4 m; mái lợp tôn dày 4dm, xà gồ thép hộp tráng kẽm;

+ Thiết bị xử lý:

STT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Model/Hãng/Xuất xứ
I	Thiết bị khử khuẩn kết hợp nghiền cắt (Công suất 34 kg/giờ)	HT	01	Model: AKR 50L Hãng sản xuất: Akar Makina Sanayi AS Xuất xứ: Thổ Nhĩ Kỳ
II	Thiết bị phụ trợ			

1	Thiết bị ổn định điện áp cho thiết bị khử khuẩn	Cái	01	Model: RS-75K-3F Hãng sản xuất: Standa –Redsun Xuất xứ: Việt Nam
2	Máy nén khí	Cái	01	Model: VA-80 Hãng sản xuất: Fusheng Xuất xứ: Việt Nam

b. Đối với chất thải nguy hại khác còn lại

Chuyên giao định kỳ 06 tháng/lần cho đơn vị có đủ chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải thông thường

2.2.1. Thiết bị, khu vực lưu chứa

- Thiết bị lưu chứa: Chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường được phân loại và lưu giữ tại các thùng chứa có nắp đậy kín và bánh xe đẩy để thu gom rác thải phát sinh.

- Khu vực lưu giữ: Kho được xây dựng bằng BTCT mái bằng và cửa kiên cố. Tường bao quanh và ngăn các gian xây bằng gạch chỉ đặc D220; Móng đổ bê tông, nền đổ bê tông đá 4 x6 dày 100, mặt nền lát gạch men 300 x300 màu nhạt, tạo độ dốc $i=0,05\%$; Tường ốp gạch men 200 x300 cao 2,4 m; mái lợp tôn dày 4dem, xà gồ thép hộp tráng kẽm.

+ Kho lưu giữ chất thải sinh hoạt: Diện tích 15,84 m² (Dài 3,0 m x rộng 5,28 m);

+ Kho lưu giữ chất thải tái chế: Diện tích 13,2 m² (Dài 2,5 m x rộng 5,28 m)

2.2.2. Biện pháp xử lý:

- Đối với chất thải tái chế: thu gom, lưu giữ tạm thời bán cho tổ chức, cá nhân thu mua tái chế.

- Đối với chất thải không tái chế tái sử dụng: Trung tâm ký hợp đồng đơn vị đủ chức năng thu gom, vận chuyển xử lý theo quy định định kỳ 01 lần/ngày

- Đối với chất thải là bùn thải từ hệ thống thu gom, xử lý nước thải: Thuê đơn vị đủ chức năng đến hút đem đi xử lý theo quy định, với tần suất hút là: Đối với bùn thải bể tự hoại định kỳ 18 tháng/lần hút; đối với bùn thải hố ga và hệ thống xử lý nước thải tập trung định kỳ 6 tháng/lần hút.

2.3. Yêu cầu chung đối với thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt:

Các thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt phải đáp ứng yêu cầu theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT và Thông tư số 20/2021/TT-BYT ngày 26 tháng 11 năm 2021 của Bộ Y tế quy định về quản lý chất thải y tế trong phạm vi khuôn viên cơ sở y tế.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

1. Thực hiện quy định phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật về bảo đảm an toàn bức xạ trong y tế.

2. Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ./.

Phụ lục 4

CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số: /GPMТ-UBND ngày /02/2025
của Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình)*

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. CÁC NỘI DUNG CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG

Không còn hạng mục, công trình sản xuất, công trình bảo vệ môi trường, yêu cầu bảo vệ môi trường tiếp tục thực hiện.

D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Đối với 01 máy phát điện dự phòng không phải kiểm soát khí thải, do thiết bị sử dụng nhiên liệu là dầu DO, không thuộc đối tượng yêu cầu có hệ thống xử lý bụi, khí thải. Tuy nhiên, yêu cầu Trung tâm phải đảm bảo luôn sử dụng nhiên liệu sạch trong mọi trường hợp.

2. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; đảm bảo các khu vực lưu giữ chất thải đáp ứng đầy đủ các yêu cầu tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường, Thông tư số 20/2021/TT-BYT ngày 26/11/2021 của Bộ Y tế quy định về quản lý chất thải y tế trong phạm vi khuôn viên cơ sở y tế, Thông tư liên tịch số 13/2014/TTLTBKHCHN-BYT ngày 09 tháng 6 năm 2014 của Bộ Khoa học và Công nghệ và Bộ trưởng Bộ Y tế quy định về bảo đảm an toàn bức xạ trong y tế (được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 13/2018/TT-BKHCHN ngày 05/9/2018 của Bộ Khoa học và Công nghệ) và các quy định pháp luật khác có liên quan; chuyên giao chất thải nguy hại, chất thải có tính phóng xạ, chất thải rắn công nghiệp thông thường (trừ loại chất thải ký hiệu TT-R), chất thải sinh hoạt cho các cơ sở có chức năng phù hợp theo quy định để xử lý.

3. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm (trong đó cập nhật các thay đổi thông tin về phát sinh chất thải tại Phụ lục 3, do các thay đổi này không thuộc đối tượng phải điều chỉnh Giấy phép môi trường) hoặc đột xuất theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật./.
